

# **BÀN VỀ VẤN ĐỀ ĐẨY MẠNH TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI**

## **ACCELERATING THE PROCESS OF INTEGRATION INTO THE WORLD'S ECONOMY**

VÕ XUÂN TIẾN

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*

### **TÓM TẮT**

Hiện nay, hội nhập vào nền kinh tế thế giới đang trở thành một xu thế khách quan đối với hầu hết các nước. Xung quanh vấn đề hội nhập kinh tế thế giới đã có nhiều tác giả nghiên cứu. Tuy nhiên, việc làm rõ tính hai mặt của nó, đặc biệt là những vấn đề thuộc về mặt trái, là hết sức cần thiết. Càng cần thiết hơn khi chúng ta biết cách chủ động đẩy mạnh tiến trình hội nhập và góp phần hạn chế những tiêu cực của nó.

### **ABSTRACT**

Nowadays, integrating into the world's economy has become an objective tendency for almost every country. This issue has been studied extensively by many researchers. However, it is essential for us to take into account different sides of the matter, especially the negative ones. It is even more important if we know to actively accelerate the integration process and limit the negative effects.

## **1. HỘI NHẬP KINH TẾ VÀ TÍNH HAI MẶT CỦA NÓ**

Trong thời đại ngày nay, hội nhập vào nền kinh tế thế giới đang trở thành một xu thế khách quan đối với hầu hết các nước trong khu vực và cả trên thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ thúc đẩy sự giao lưu hợp tác, phát triển của lực lượng sản xuất của mỗi nước, vừa đưa lại sự tăng trưởng cao của mỗi nền kinh tế vừa tăng sức ép cạnh tranh và hạ thấp các rào cản cho các chuyển động vốn. Kết quả của hội nhập kinh tế làm cho các quốc gia nằm trong trạng thái phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn và nền kinh tế của mỗi nước ngày càng trở thành một bộ phận khăng khít của kinh tế thế giới. Ví dụ: theo thống kê, trong số các mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản những năm gần đây, có tới 80% là xuất sang Trung Quốc. Như vậy, nếu Trung Quốc bất ngờ có sự thay đổi lớn, thì Nhật Bản muốn phục hồi nền kinh tế cũng rất khó khăn. Ngược lại, sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc cũng bị phụ thuộc vào Nhật Bản và Mỹ. Nhật Bản là nguồn cung cấp cho Trung Quốc các sản phẩm có chất lượng cao, các máy móc thiết bị kỹ thuật hiện đại, mà nếu thiếu nó thì nhiều ngành kinh tế Trung Quốc không có tương lai (như ô tô) và nói chung là khó phát phát triển. Còn đối Mỹ, hiện 80% hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ đều là sản phẩm của các xí nghiệp Mỹ được phép sản xuất tại Trung Quốc. Chỉ cần Mỹ cắt đứt con đường xuất khẩu hàng tiêu dùng của Trung Quốc sang Mỹ thì nền kinh tế này cũng khó giữ tốc độ tăng trưởng... Như vậy, không một nền kinh tế nào có thể đi lên một cách biệt lập, họ không thể nào phát triển mà không chịu những ràng buộc của những định chế chung của thế giới. Thêm vào đó, hội nhập và toàn cầu hoá về kinh tế đã kéo theo nó việc mở rộng giao lưu khoa học công nghệ giữa các quốc gia, sự tham gia của các nước vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội có tính toàn cầu.

Thực tế cho thấy, phần lớn sự tăng trưởng về sản xuất của các nước trong vài thập niên vừa qua là nhờ vào quá trình hội nhập kinh tế. Khi hàng hoá và dịch vụ được trao đổi ngoại thương càng nhiều, thì các công ty, người tiêu dùng và các quốc gia càng có thể thu được nhiều lợi ích nhờ vào lợi thế kinh tế theo quy mô, học hỏi thông qua kinh nghiệm thực tế và khả năng phân chia chi phí nghiên cứu trên nhiều đơn vị sản lượng hơn. Nhìn chung, nền kinh tế càng mở thì càng tăng trưởng tốt hơn và ổn định hơn nhờ những kỹ năng học hỏi được khi xuất khẩu. Với những nước đang phát triển, có thể nói, hội nhập kinh tế là con đường thích hợp cho họ đuổi kịp các nước đã phát triển. Như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế vừa là đòi hỏi khách quan của kinh tế quốc tế nói chung vừa là nhu cầu nội tại của sự phát triển kinh tế của mỗi nước. Hội nhập giúp cho việc mở rộng cơ hội kinh doanh, thâm nhập thị trường thế giới, tìm kiếm và tạo lập thị trường ổn định, từ đó có điều kiện thuận lợi để xây dựng kế hoạch và cơ cấu đầu tư, phát triển sản xuất.

Là một bộ phận của nền kinh tế thế giới, nước ta nhận thức được những tác động kinh tế có tính xu hướng của toàn cầu hoá và đã tham gia ngày càng nhiều hơn vào quá trình hội nhập.

Đến nay, ta đã có quan hệ mua bán với hơn 150 quốc gia trên thế giới. Vốn của các công ty, tổ chức nước ngoài chiếm khoảng 35 - 40% tổng số vốn đầu tư của toàn xã hội. Phần đóng góp từ nguồn vốn FDI chiếm khoảng 13 - 14% GDP. Có thể nói, quá trình hội nhập đã góp phần gia tăng đáng kể năng lực tổng hợp của nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, khả năng tham gia của Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân còn quá nhỏ bé so với tiềm năng kinh tế cũng như so với kết quả của các nước trong khu vực. Ví dụ, kim ngạch xuất khẩu của ta mặc dầu đạt mức tăng bình quân năm khoảng 22%, nhưng tổng kim ngạch trong 5 năm gần đây chỉ đạt khoảng 60 tỷ USD, trong khi một số nước như Malaixia đạt 90 tỷ USD/năm, ở Thái Lan là 60 tỷ USD/năm, Philipin đạt 25 tỷ USD/năm... Sự sai khác này sẽ lớn hơn nếu chúng ta thiếu những giải pháp có hiệu quả. Cũng cần nói thêm, chúng ta đã đạt một số tiến bộ trong chuyên môn hoá xuất khẩu, nhưng vẫn chưa thoát khỏi nền tảng nông nghiệp, khoáng sản và lao động giản đơn. *Do vậy, rất cần có một chính sách mà trong đó nhấn mạnh cả chuyên môn hoá và cả đa dạng hoá xuất khẩu.*

Ngoài những mặt được nêu ở trên, hội nhập kinh tế cũng đưa lại những khó khăn cho các nền kinh tế.

a, Hội nhập kinh tế, toàn cầu hóa sẽ góp phần làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư và tác động xấu đến công bằng xã hội.

b, Hội nhập có thể phá hoại sự ổn định của nền kinh tế, môi trường, xã hội. Khi hội nhập, nếu định hướng và quản lý không tốt, dễ dẫn đến tình trạng phá hoại môi trường sinh thái, nhanh chóng làm cạn kiệt nguồn tài nguyên. Không những vậy, các nước chậm phát triển như nước ta dễ bị biến thành bãi rác công nghiệp cho các nước phát triển.

c, Hội nhập và toàn cầu hoá về kinh tế làm cho doanh nghiệp phải cần nhiều vốn hơn. Trong khi đó các doanh nghiệp của ta, do nhiều nguyên nhân có qui mô vốn còn rất hạn chế.

d, Khi tham gia hội nhập, các doanh nghiệp phải chấp nhận sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Nhìn chung, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, và đó cũng là lý do vì sao các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh chưa cao, kim ngạch xuất khẩu còn thấp.

## **2. ĐỂ ĐẨY NHANH TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP VÀO NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI**

### **A. Giải quyết vấn đề công bằng xã hội**

Như đã nêu, hội nhập càng làm cho sự phân hoá giàu nghèo trở nên sâu sắc hơn, làm gia tăng khoảng cách mức sống giữa các nước, tác động xấu đến cán cân thanh toán thương mại, làm tăng khoản nợ nần của các nước chậm phát triển. Không dừng lại ở đó, hội nhập, toàn cầu hoá càng làm tăng khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong cùng một nước, làm gia tăng sự bóc lột và bất công trong xã hội. Khi xã hội phát triển, đặc biệt, ở thời kỳ cất cánh, tất yếu sẽ dẫn đến những biến động và điều chỉnh, tạo nên những xung đột nghiêm trọng đối với cơ cấu và tâm lý xã hội truyền thống, nên đây cũng là thời kỳ cao điểm phát sinh mâu thuẫn xã hội. Kinh nghiệm phát triển cho thấy trong thời kỳ GDP bình quân đầu người tăng từ 1000 USD lên 3000 USD, mức sống của người dân sẽ tăng lên rất nhanh, những đồ dùng cao cấp và bền sẽ bùng nổ và làm tăng thêm khoảng cách giữa các nhóm dân cư; xã hội sẽ phân tầng rõ nét; hiện tượng thất nghiệp và tiêu cực nhiều hơn; dễ tạo nên các nhân tố bất ổn dẫn trong xã hội.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, kinh nghiệm của nhiều nước có nền kinh tế phát triển đã chỉ ra rằng, phải phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Làm thế nào đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh chóng trong điều kiện thiếu vốn, công nghệ, nhân lực trình độ cao, góp phần giải quyết vấn đề giàu nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa các nhóm dân cư trong xã hội? Cách tốt nhất là cần phải phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra cần chú ý phát triển giáo dục ở những vùng có nhiều khó khăn, tạo điều kiện cho mọi người được nâng cao trình độ văn hoá và trình độ nghề nghiệp; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn, thực hiện công bằng trong chính sách đầu tư phát triển; phát huy hơn nữa vai trò của nhà nước trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội...

### **B. Bảo vệ môi trường sinh thái và vấn đề phát triển bền vững**

Một trong những tác động tiêu cực khi tham gia hội nhập là sự nghèo đi của tài nguyên, xấu đi của môi trường. Từ khi mở cửa đến nay, tuy đạt được nhiều thành tựu về xây dựng kinh tế nhưng do chất lượng khoa học công nghệ không cao, ý thức bảo vệ môi trường không tốt, đơn thuần chạy theo lợi nhuận nên đã phá hoại môi trường nghiêm trọng, lãng phí tài nguyên.

Kinh nghiệm thế giới chỉ ra rằng, khi kinh tế càng phát triển, tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá càng cao thì mâu thuẫn giữa phát triển và ổn định ngày càng lộ rõ. Làm thế nào để nền kinh tế phát triển lành mạnh liên tục và có thể đối phó với những thách thức khi tham gia hội nhập, đặc biệt khi gia nhập WTO; mở rộng cơ hội tạo công ăn việc làm; tăng xuất khẩu; giữ gìn ổn định chính trị và xã hội mà vẫn đảm bảo cân bằng sinh thái, tạo được môi trường phát triển bền vững.

Mâu thuẫn giữa con người và môi trường là mâu thuẫn một chiều xuất phát từ quá khứ, là tình trạng không thể chấp nhận do khai thác tài nguyên tác động đến môi trường, do phương thức tăng trưởng theo lối quảng canh theo diện rộng mà không đầu tư chất xám đúng mức. Do đó, nếu không có sự chuyển biến căn bản thì bước phát triển tiếp theo sẽ đi vào bế tắc. Vấn đề này càng đặc biệt nghiêm trọng đối với những quá trình sản xuất và tiêu thụ có gây ra ảnh hưởng ngoại lai tiêu cực. Các cơ sở sản xuất đơn thuần chạy theo lợi nhuận, bỏ qua

các bất lợi do ảnh hưởng ngoại lai của quá trình sản xuất kinh doanh đó gây ra. Nói cách khác, khi quá trình hội nhập (qui mô của thị trường mở rộng vượt quá phạm vi quốc gia), sẽ làm tăng thêm tính phức tạp, sâu sắc của vấn đề này. Nói cách khác, tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế đến vấn đề môi trường và phát triển bền vững gay gắt hơn bao giờ hết. Điều này đòi hỏi, tùy trường hợp mà chính phủ phải đặt ra một mức thuế phù hợp để điều chỉnh khối lượng sản xuất của các doanh nghiệp theo hướng lấy nhu cầu tối ưu xã hội làm chuẩn chứ không phải là nhu cầu thị trường.

### **C. Thông tin về thị trường của các doanh nghiệp và định hướng của Nhà nước**

Có thể thấy, hội nhập làm cho cạnh tranh ngày càng gay gắt nhưng việc quản lý ở các doanh nghiệp vẫn chưa theo kịp, vẫn còn yếu kém, nhân viên thiếu kỹ năng, thiếu kiến thức tiếp thị, thiếu thông tin. Điều đáng nhấn mạnh ở đây là doanh nghiệp thiếu thông tin trong việc tiếp cận thị trường quốc tế về lĩnh vực công nghệ, máy móc thiết bị. Chính thông tin về thị trường trong nước và quốc tế rất hạn chế cùng với sức cạnh tranh yếu kém nên các doanh nghiệp bỏ lỡ nhiều cơ hội kinh doanh. Như đã biết, thông tin về thị trường là cực kỳ quan trọng, trong nhiều trường hợp còn mang tính quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Tiến trình hội nhập hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải có các thông tin về thị trường đầu vào, vốn, lao động, nguyên vật liệu, thiết bị - dây chuyền công nghệ; về môi trường kinh doanh. Các thông tin ở đây không dừng lại ở mặt hàng, quy cách, mẫu mã, chất lượng, mà cả những thông tin về hệ thống luật pháp của các nước đối tác...

Có ý kiến cho rằng, các doanh nghiệp của ta nói chung còn chưa thật sự năng động trong sản xuất kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp chưa định hình rõ mặt hàng trong kinh doanh, chưa có chiến lược phát triển xuất khẩu, còn trông chờ, ỷ lại Nhà nước và khách hàng, thiếu chủ động tìm kiếm thị trường và khách hàng. Trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu chưa có sự sắp xếp hợp lý và phối hợp một cách nhịp nhàng giữa các doanh nghiệp cùng kinh doanh một loại hàng hoá. Từ những vấn đề trên cho thấy, việc Nhà nước phải cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Bởi lẽ, các thông tin về thị trường có thể coi như một loại hàng hoá công, càng nhiều người sử dụng càng tốt nhưng chi phí cho việc phổ biến các thông tin này lại rất tốn kém

Một trong những nội dung của toàn cầu hoá, hội nhập là tăng khối lượng hàng hoá trao đổi giữa các nước. Khi khối lượng hàng hoá trao đổi tăng lên, việc buôn bán giữa các nước thay đổi và có sự chuyển dịch cơ cấu, sẽ dẫn tới sự dịch chuyển mạnh các ngành sản xuất ở các nước. Xu hướng chung là sản xuất những ngành kém hiệu quả trong nước giảm đồng thời với tăng khối lượng buôn bán những ngành sản xuất đạt hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, ở từng nước, những thay đổi trong sản xuất sẽ khác nhau. Ở nước ta, các ngành có tỷ lệ tăng nhanh nhất sẽ là các ngành sử dụng nhiều lao động và nguyên vật liệu như công nghiệp dệt, may mặc, công nghiệp chế biến gỗ, giấy.

Cho đến nay Nhà nước còn nhiều lúng túng trong việc xác định hướng ưu tiên phát triển sản xuất, chú trọng đến những ngành, những sản phẩm không có khả năng cạnh tranh, như: thép, phân đạm... Theo chúng tôi, chúng ta cần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ mà chúng ta có lợi thế so sánh, chú trọng vào những ngành giúp ta có khả năng hội nhập kinh tế quốc tế. Khắc phục quan điểm muốn sản xuất thay thế nhập khẩu với bất kì chi phí nào, với các biện pháp bao cấp và bảo hộ kém hiệu quả.

- Theo kết quả điều tra của VCCI năm 2000, chỉ có 7% số doanh nghiệp xuất khẩu đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 triệu USD, 13% số doanh nghiệp đạt từ 500 ngàn đến 1 triệu, 51% đạt từ 100 đến 500 ngàn USD, số còn lại đạt dưới 100 ngàn USD. Để có thể hội nhập, cần tích cực chủ động nâng cao sức cạnh tranh trên nhiều phương diện, nhiều cấp độ: khả năng cạnh tranh của từng mặt hàng và từng loại dịch vụ, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của cả quốc gia.

Trong điều kiện của ta, do điểm xuất phát thấp, khả năng còn hạn chế, cho nên cần áp dụng chiến lược lựa chọn các ưu tiên. Có nghĩa là lựa chọn các ngành, lĩnh vực để ưu tiên đầu tư phát triển. Về chính sách, cần xây dựng một hệ thống chính sách đồng bộ, từ các vấn đề môi trường, đất đai, đầu tư, tài chính, thuế, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực... Bên cạnh đó, Nhà nước cần làm tốt vai trò kiểm soát của mình. Bởi lẽ khi hội nhập, đặc biệt với những mặt hàng xuất khẩu có tác động ngoại lai, thì chi phí và lợi ích của một cá nhân hay doanh nghiệp khác với chi phí và lợi ích thực sự của xã hội với tư cách là một tổng thể. Sự khác nhau này đưa đến kết quả là số lượng hàng hoá do các doanh nghiệp sản xuất khác với số lượng tối ưu về mặt xã hội. Trong trường hợp có ảnh hưởng ngoại lai tiêu cực, các hoạt động sản xuất có tác động phụ có hại đến môi trường thiên nhiên - xã hội, làm cạn kiệt tài nguyên... sẽ gây ra tổn thất phúc lợi xã hội, lớn hơn nhiều so với khi chưa hội nhập. Đây chính là vấn đề phát sinh đòi hỏi Nhà nước phải có sự can thiệp một cách mạnh mẽ, nếu không mâu thuẫn về lợi ích giữa khu vực tư nhân và Nhà nước nhất định sẽ nảy sinh, và tính bền vững trong phát triển khó lòng đạt được.

#### **D. Qui mô vốn**

Khó khăn lớn nhất đối với chúng ta khi tham gia hội nhập là khả năng cạnh tranh còn hạn chế, mà một trong những lý do của nó là thiếu vốn. Có thể nói, chúng ta thường xuyên nằm trong tình trạng khó khăn về vốn. Phần lớn các doanh nghiệp (90%), đều là những doanh nghiệp vừa và nhỏ với số vốn dưới 5 tỷ đồng. Số liệu năm 2003 cho thấy, bình quân vốn của một hộ phi nông nghiệp ít hơn 30 triệu đồng, của trang trại là 94 triệu đồng, của một doanh nghiệp phi nông nghiệp là 3,7 tỷ đồng... Từ đó đặt ra vấn đề nên huy động vốn từ đâu và như thế nào để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Qua tìm hiểu kinh nghiệm các nước phát triển cùng với thực tiễn những năm qua cho thấy phải làm tốt việc huy động các khoản tiết kiệm nội địa. Các nguồn huy động từ nước ngoài sẽ rất hiệu quả khi nó được xem là khoản bổ sung và sự phát triển về cơ bản phải dựa vào các nguồn vốn trong dân. Để phát triển nền tài chính nội địa cần làm tốt công tác tiết kiệm và sau đó là chuyển các khoản tiết kiệm thành vốn đầu tư. Muốn vậy, rất cần thiết phải có những chính sách để khuyến khích tiết kiệm, cải thiện lòng tin của dân chúng đối với hệ thống ngân hàng, sao cho mọi người gửi các khoản tiết kiệm của mình vào ngân hàng càng nhiều càng tốt. Ngoài ra, Chính phủ cũng có thể giúp đỡ các doanh nghiệp thông qua nguồn vốn của mình, hoặc vay từ các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, sự giúp đỡ của Nhà nước cho doanh nghiệp về vốn không quan trọng bằng tính ổn định và sự khuyến khích của các chính sách. Bảo đảm tính ổn định lâu dài, bền vững trong phát triển luôn là sự mong muốn của các doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Ngoài những vấn đề nêu trên, tiến trình hội nhập còn đặt ra những thách thức khác mà chúng ta phải rất cố gắng mới có thể thắng lợi. Đó là vấn đề Kỹ thuật sản xuất, vấn đề thuế, Luật pháp các nước, tiêu thụ sản phẩm...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thái Bá Cần, Một số vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập về dịch vụ tài chính, *Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp*, số 1+2 - 2004, Tr. 31 - 32.
- [2] Nguyễn Bá Diễn, Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam - cơ hội và thách thức, *Tạp chí Khoa học* (ĐH Quốc gia Hà Nội), số 2 - 2002.
- [3] Nguyễn Thế Lực, Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam: Quá trình và một số kết quả, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 6 - 2004, Tr. 5 - 14.
- [4] Hà Thúc Minh, Ngọn gió toàn cầu hoá và cánh buồm Việt Nam, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, số 5 - 2003, Tr. 27 - 32.
- [5] Hoàng Ngọc Hoà, Một số vấn đề trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, *Tạp chí Cộng sản*, số 10 - 2003, Tr. 27 - 31.
- [6] Bạch Thị Minh Huyền, Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ: những vấn đề đặt ra trong tiến trình hội nhập, *Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp*, số 11 - 2003, Tr. 17 - 19.
- [7] Võ Xuân Tiến, Toàn cầu hoá kinh tế và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, số 1 - 2004, Tr. 35 - 39.
- [8] Đỗ Trọng Thịnh, Hội nhập Tổ chức Thương mại Thế giới của Việt Nam: Vấn đề và giải pháp, *Tạp chí Ngân hàng*, số 2 - năm 2004, Tr. 7 - 10.
- [9] Nguyễn Thị Hồng Thủy, Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 2 - 2004, Tr. 23 - 24.
- [10] Trần Nguyễn Tuyên, Nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 1 - 2004, Tr. 1 - 7.
- [11] Windjanaco & Abimanyu, Toàn cầu hoá, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 2 - 2003.